

Số: 1641 /QĐ-UBND

Quận 12, ngày 27 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2586/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân quận về việc ban hành áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân Quận 12 phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 4582/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Nội vụ, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở KH và CN;
- UBND/Q (CT, các PCT);
- Các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, NV.NP.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đức

**CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA
TCVN ISO 9001:2015**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1841 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 12)

STT	Tên thủ tục	Mã số
Lĩnh vực công chức		
1.	Tiếp nhận vào làm công chức	QT-01/CC
Lĩnh vực viên chức		
2.	Tiếp nhận vào làm viên chức	QT-01/VC
3.	Thi tuyển viên chức	QT-02/VC
4.	Xét tuyển viên chức	QT-03/VC
Lĩnh vực Tổ chức Phi chính phủ (hội)		
5.	Công nhận Ban vận động thành lập Hội.	QT-01/PCP
6.	Báo cáo tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của Hội.	QT-02/PCP
7.	Phê duyệt điều lệ Hội.	QT-03/PCP
Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng		
8.	Tặng Giấy khen của Ủy ban nhân dân quận, huyện về công trạng và thành tích	QT-01/TĐKT
9.	Tặng Giấy khen của Ủy ban nhân dân quận, huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	QT-02/TĐKT
10.	Tặng Giấy khen của Ủy ban nhân dân quận, huyện về thành tích đợt xuất	QT-03/TĐKT
11.	Công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”	QT-04/TĐKT
12.	Công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”	QT-05/TĐKT
13.	Công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”	QT-06/TĐKT

Lĩnh vực Tôn giáo		
14.	Đề nghị tổ chức Đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	QT-01/TG
15.	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT-02/TG
16.	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT-03/TG
Lĩnh vực thẩm định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập		
17.	Thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	QT-01/ĐVSN
18.	Thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	QT-02/ĐVSN
19.	Thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	QT-03/ĐVSN
Lĩnh vực thẩm định thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính		
20.	Thẩm định thành lập tổ chức hành chính	QT-01/TCHC
21.	Thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính	QT-02/TCHC
22.	Thẩm định giải thể tổ chức hành chính	QT-03/TCHC
Lĩnh vực quản lý nhà nước về quỹ		
23.	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập)	QT-01/Q
24.	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, quỹ (do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập)	QT-02/Q
25.	Đổi tên quỹ (do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập)	QT-03/Q
26.	Giải thể quỹ (do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập)	QT-04/Q
27.	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn (do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập)	QT-05/Q

28.	Mở rộng phạm vi hoạt động và kiện toàn, chuyển đổi quỹ	QT-06/Q
29.	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ (do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập)	QT-07/Q
30.	Công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ (do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập)	QT-08/Q
31.	Thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập)	QT-09/Q
32.	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập)	QT-10/Q
33.	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam thành lập)	QT-11/Q
34.	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, quỹ (do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam thành lập)	QT-12/Q
35.	Đổi tên quỹ (do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam thành lập)	QT-13/Q
36.	Giải thể quỹ (do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam thành lập)	QT-14/Q
37.	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn (do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam thành lập)	QT-15/Q
38.	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ (do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam thành lập)	QT-16/Q
39.	Công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ (do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam thành lập)	QT-17/Q
40.	Thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam thành lập)	QT-18/Q
41.	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (do tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam thành lập)	QT-19/Q

Lĩnh vực Hộ tịch		
42.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-01/HT
43.	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-02/HT
44.	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-03/HT
45.	Đăng ký việc nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT-04/HT
46.	Đăng ký Giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-05/HT
47.	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-06/HT
48.	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-07/HT
49.	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-08/HT
50.	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-09/HT
51.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT-10/HT
52.	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-11/HT
53.	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-12/HT
54.	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT-13/HT
55.	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (Khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QT-14/HT
56.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT-15/HT
57.	Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT-16/HT
Lĩnh vực Chứng thực		
58.	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT-01/CT

59.	Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT-02/CT
60.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (thủ tục này cũng được áp dụng trong trường hợp chứng thực điểm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điểm chỉ được)	QT-03/CT
61.	Chứng thực chữ ký người dịch là cộng tác viên của Phòng Tư pháp	QT-04/CT
62.	Chứng thực chữ ký đối với người không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT-05/CT
63.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT-06/CT
64.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-07/CT
65.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-08/CT
Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật		
66.	Công nhận báo cáo viên pháp luật	QT-01/PBGDPL
67.	Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật	QT-02/PBGDPL
Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng		
68.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-01/CNTD
69.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-02/CNTD
70.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-02/CNTD
Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước		
71.	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	QT-01/LTHH

72.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	QT-02/LTHH
73.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu do bị mất hoặc bị hỏng	QT-03/LTHH
74.	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-04/LTHH
75.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-05/LTHH
76.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-06/LTHH
77.	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-07/LTHH
78.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-08/LTHH
79.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-09/LTHH
Lĩnh vực An toàn thực phẩm		
80.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ ăn uống	QT-01/ATTP
Lĩnh vực cấp giấy phép xây dựng		
81.	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-01/XD
82.	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-02/XD
83.	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-03/XD

84.	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-04/XD
85.	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-05/XD
86.	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-06/XD
Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng		
87.	Cung cấp thông tin về Quy hoạch Xây dựng	QT-01/QHXD
Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật		
88.	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	QT-01/HTKT
Lĩnh vực Quy hoạch kiến trúc		
89.	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QT-01/QHKT
90.	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QT-02/QHKT
Lĩnh vực đường bộ		
91.	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	QT-01/ĐB

92.	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	QT-02/ĐB
93.	Cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	QT-03/ĐB
94.	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	QT-04/ĐB
Lĩnh vực giáo dục và đào tạo		
95.	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	QT-01/GDĐT
96.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT-02/GDĐT
97.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	QT-03/GDĐT
98.	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT-04/GDĐT
99.	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT-05/GDĐT
100.	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập	QT-06/GDĐT
101.	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập	QT-07/GDĐT
102.	Thành lập trường tiểu học công lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	QT-08/GDĐT
103.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QT-09/GDĐT
104.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	QT-10/GDĐT
105.	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	QT-11/GDĐT
106.	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	QT-12/GDĐT
107.	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	QT-13/GDĐT

108.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT-14/GDĐT
109.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	QT-15/GDĐT
110.	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	QT-16/GDĐT
111.	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	QT-17/GDĐT
112.	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	QT-18/GDĐT
113.	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia	QT-19/GDĐT
114.	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	QT-20/GDĐT
115.	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	QT-21/GDĐT
116.	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	QT-22/GDĐT
117.	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	QT-23/GDĐT
118.	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	QT-24/GDĐT
119.	Đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” phường, xã, thị trấn	QT-25/GDĐT
120.	Thành lập Trung tâm học tập cộng đồng	QT-26/GDĐT
121.	Cho phép Trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	QT-27/GDĐT
122.	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập riêng cho người khuyết tật học tại cơ sở giáo dục	QT-28/GDĐT
123.	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên	QT-29/GDĐT
124.	Xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (đối với nhà trẻ, nhóm trẻ; trường, lớp mẫu giáo, trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở, phổ thông trung học bán trú và trung tâm học tập cộng đồng)	QT-30/GDĐT

125.	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT-31/GDĐT
126.	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục không vì lợi nhuận	QT-32/GDĐT
Lĩnh vực hệ thống văn bằng chứng chỉ		
127.	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	QT-01/HTVBCC
128.	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	QT-02/HTVBCC
Chính sách có công		
129.	Thăm viếng mộ liệt sĩ	QT-01/ CSCC
130.	Lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện thiết bị phục hồi đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	QT-02/ CSCC
131.	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	QT-03/CSCC
132.	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT-04/CSCC
Lĩnh vực Bảo trợ xã hội		
133.	Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	QT-01/BTXH
134.	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do phòng phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp	QT-02/BTXH

135.	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp	QT-03/BTXH
136.	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	QT-04/BTXH
137.	Cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	QT-05/BTXH
Lĩnh vực Lao động, tiền lương		
138.	Đăng ký, đăng ký lại nội quy lao động của doanh nghiệp	QT-01/LĐTL
Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp		
139.	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài.	QT-01/GDNN
140.	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục.	QT-02/GDNN
141.	Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập	QT-03/GDNN
142.	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	QT-04/GDNN
143.	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	QT-05/GDNN
Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội		
144.	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT-01/PCTNXH
145.	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT-02/PCTNXH

146.	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT-03/PCTNXH
Lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước		
147.	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	QT-03/QLĐNN
Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em		
148.	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT-01/TE
149.	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	QT-02/TE
Lĩnh vực đất đai		
150.	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	QT-01/ĐĐ
151.	Phối hợp đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	QT-02/ĐĐ
152.	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.	QT-03/ĐĐ
153.	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam	QT-04/ĐĐ
154.	Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam	QT-05/ĐĐ

155.	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	QT-06/ĐĐ
156.	Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (cấp tỉnh/ cấp huyện)	QT-07/ĐĐ
Lĩnh vực giải quyết tranh chấp đất đai		
157.	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	QT-01/GQTCĐĐ
Lĩnh vực Môi trường – Tài nguyên nước		
158.	Cấp giấy phép mới môi trường đối với tổ chức, cá nhân	QT-01/MT
159.	Cấp đổi giấy phép mới môi trường đối với tổ chức, cá nhân	QT-02/MT
160.	Cấp điều chỉnh giấy phép mới môi trường đối với tổ chức, cá nhân	QT-03/MT
161.	Cấp lại giấy phép mới môi trường đối với tổ chức, cá nhân	QT-04/MT
162.	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng 10m ³ / ngày đêm	QT-05/MT
163.	Đăng ký khai thác nước dưới đất	QT-06/MT
164.	Lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đối với dự án xây dựng công trình khai thác, sử dụng nguồn nước nội tỉnh	QT-07/MT
Lĩnh vực Công sản		
165.	Điều chuyển tài sản Nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị	QT-01/CS
166.	Thanh lý tài sản Nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị	QT-02/CS
167.	Bán tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị	QT-03/CS

Lĩnh vực Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu		
168.	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận - huyện	QT-01/LCNT
169.	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân quận	QT-02/LCNT
Lĩnh vực Đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư		
170.	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	QT-01/LCNĐT
171.	Giải quyết kiến nghị kết quả lựa chọn nhà đầu tư	QT-02/LCNĐT
Lĩnh vực Kinh tế tập thể		
172.	Đăng ký thành lập hợp tác xã	QT-01/HTX
173.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-02/HTX
174.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	QT-03/HTX
175.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-04/HTX
176.	Đăng ký khi hợp tác xã chia	QT-05/HTX
177.	Đăng ký khi hợp tác xã tách	QT-06/HTX
178.	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	QT-07/HTX
179.	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	QT-08/HTX
180.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	QT-09/HTX
181.	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	QT-10/HTX
182.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	QT-11/HTX
183.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	QT-12/HTX

184.	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-13/HTX
185.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT-14/HTX
186.	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	QT-15/HTX
187.	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	QT-16/HTX
Lĩnh vực Kinh doanh hộ cá thể		
188.	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	QT-01/HKD
189.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	QT-02/HKD
190.	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	QT-03/HKD
191.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT-04/HKD
192.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	QT-05/HKD
Lĩnh vực Văn hóa		
193.	Đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện	QT-01/VH
194.	Thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện	QT-02/VH
Lĩnh vực Thư viện		
195.	Thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT-01/TV
196.	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT-02/TV

197.	Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT-03/TV
Lĩnh vực Tiếp công dân		
198.	Tiếp công dân và xử lý đơn	QT-01/TCD
Lĩnh vực khiếu nại		
199.	Giải quyết khiếu nại lần đầu	QT-01/KN
200.	Giải quyết khiếu nại lần hai	QT-02/KN
Lĩnh vực tố cáo		
201.	Giải quyết tố cáo	QT-01/TC
Lĩnh vực phòng, chống tham nhũng		
202.	Thực hiện việc giải trình	QT-01/PCTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân Quận 12
phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với hoạt
động của Ủy ban nhân dân Quận 12**

*(Theo phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1641/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 12*

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quận 12, ngày 27 tháng 3 năm 2024

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đức